

Số: 129/QĐ-BQLKCNKKT

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm Phương Tiến, Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 02/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh Hà Giang về việc Phê duyệt Nhiệm vụ đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm Phương Tiến, Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy.

Căn cứ Báo cáo số 68/BC-SXD ngày 07/03/2025 của Sở Xây dựng Hà Giang Báo cáo kết quả thẩm định đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm Phương Tiến, khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy;

Căn cứ Công văn số 992/SXD-QHKT ngày 10/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang về tham gia ý kiến tiếp tục triển khai lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm Phương Tiến, khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đầu tư, xây dựng và môi trường tại Tờ trình số 02/TTr-ĐTXDĐT ngày 18/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 khu trung tâm Phương Tiến, Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 khu trung tâm Phương Tiến, Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy.

2. Vị trí, phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

a) Vị trí: Khu đất nghiên cứu lập quy hoạch nằm trên quốc lộ 2, phía Nam Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, thuộc ranh giới hành chính của xã Phương Tiến, huyện Vị Xuyên.

b) Phạm vi, ranh giới:

- Phía Bắc giáp xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên.
- Phía Đông giáp sông Lô và xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên.
- Phía Tây giáp khu vực đồi, núi xã Phương Tiến.
- Phía Nam giáp xã Phương Độ, thành phố Hà Giang.

3. Quy mô: Diện tích quỹ đất quy hoạch khoảng: 431 ha.

4. Tính chất:

- Là khu trung tâm dịch vụ, thương mại, cơ quan văn phòng; Khu công viên cảnh quan sinh thái; Khu trung tâm hành chính, giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao... và khu ở với các loại hình đa dạng; Có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cơ bản đồng bộ của khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy.

- Là khu trung tâm xã Phương Tiến.

5. Mục tiêu quy hoạch:

- Xây dựng Khu trung tâm Phương Tiến trở thành khu trung tâm đa chức năng. Đáp ứng nhu cầu phát triển dịch vụ thương mại, cơ quan văn phòng, du lịch, công trình công cộng, cảnh quan sinh thái, nhu cầu ở mới, huy động nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy.

- Tạo dựng bộ mặt kiến trúc cảnh quan, phát huy các giá trị cảnh quan và văn hóa đặc sắc của khu vực. Cải thiện môi trường sống cho khu dân cư hiện hữu, nâng cao hiệu quả, năng lực khai thác sử dụng quỹ đất.

6. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

Stt	Loại đất	Hiện trạng		Quy hoạch	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %
	Tổng diện tích đất quy hoạch	431.00	100.00	431.00	100.00
1	Đất nhóm nhà ở (bao gồm vườn tạp)	35.67	8.28	79.89	18.54
1.1	Đất nhóm nhà ở (bao gồm vườn tạp) hiện trạng	35.67		36.27	8.41
1.2	Đất nhóm nhà ở (bao gồm vườn tạp) mới			43.62	10.12
2	Đất giáo dục	1.56	0.36	4.38	1.02
3	Đất dịch vụ	0.63	0.15	20.32	4.71
4	Đất cơ quan trụ sở	0.70	0.16	13.94	3.24
5	Đất văn hóa	0.38	0.09	4.70	1.09
6	Đất y tế	0.13	0.03	2.45	0.57
7	Đất an ninh	0.08	0.02	0.10	0.02
8	Đất đào tạo, nghiên cứu			4.90	1.14
9	Đất cây xanh chuyên dụng			28.53	6.62
10	Đất cây xanh sử dụng công cộng			21.82	5.06
11	Đất cây xanh sử dụng hạn chế			55.51	12.88
12	Đất giao thông	9.61	2.23	80.87	18.76
12.1	- Đất giao thông			78.42	18.19
12.2	- Bãi đỗ xe			2.46	0.57
13	Đất thể dục thể thao	0.43	0.10	10.44	2.42
14	Đất rừng sản xuất	97.22	22.56	35.38	8.21
15	Đất quốc phòng			4.12	0.96
16	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0.07	0.02	0.40	0.09
17	Đất khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vlxđ	1.20	0.28	2.46	0.57
18	Đất sản xuất nông nghiệp	248.10	57.56	31.58	7.33
19	Ao, hồ	6.80	1.58	2.22	0.51
20	Sông, suối, mương	27.30	6.33	26.04	6.04
21	Đất nghĩa trang			0.95	0.22
22	Đất chưa sử dụng	1.12	0.26	0.00	-

7. Phân khu chức năng, bố cục quy hoạch, kiến trúc và thiết kế cảnh quan:

7.1. Phân khu chức năng:

Toàn bộ khu vực quy hoạch có tổng diện tích 431 ha được phân thành 03 khu chức năng chính như sau:

Khu 1: Khu dịch vụ cảnh quan sinh thái và thể dục thể thao. Quy mô 115,18 ha.

Khu dịch vụ cảnh quan sinh thái và thể dục thể thao (khu vực thôn Nà Thái). Phát triển khu liên hợp thể dục thể thao. Các khu vực dân cư hiện trạng cải tạo chỉnh trang và xây mới kết hợp du lịch văn hóa cộng đồng. Nâng cấp và phát triển công trình dịch vụ, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật tiến tới đồng bộ, các khu cây xanh, sân chơi, TDTT và cảnh quan. Phát triển dịch vụ du lịch sinh thái kết hợp với cảnh quan dọc sông Lô, cảnh quan nông nghiệp xanh dọc suối Sừ. Khu vực đồi cao và rừng sản xuất hiện có phát triển cảnh quan kết hợp vui chơi giải trí dưới tán rừng. Bố trí đất quốc phòng.

Khu 2: Khu dân cư và trung tâm xã Phương Tiến. Quy mô 161,73 ha.

Khu dân cư và trung tâm xã Phương Tiến (khu vực thôn Sừ và thôn Nà Miêu). Cải tạo và nâng cấp khu trung tâm xã Phương Tiến, tương lai làm nền tảng phát triển đô thị. Phát triển dịch vụ, công cộng, phát triển trung tâm văn hóa, trung tâm giáo dục đào tạo, trung tâm y tế, trụ sở, văn phòng, công viên trung tâm, khu dân cư mới. Các khu vực dân cư hiện trạng cải tạo chỉnh trang và xây mới kết hợp du lịch văn hóa cộng đồng. Nâng cấp và phát triển công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật tiến tới đồng bộ, hiện đại, các khu cây xanh, sân chơi, TDTT và cảnh quan trong khu dân cư. Tận dụng các hành lang xanh tự nhiên trong khu vực để thoát nước, kết hợp với cảnh quan dọc suối Sừ. Khu vực đồi cao phát triển cây xanh công viên, kết hợp với cây trồng sản vật địa phương và cảnh quan. Giữ lại tối đa vốn rừng hiện có.

Khu 3: Khu đô thị và trung tâm dịch vụ Phương Tiến. Quy mô 154,08 ha.

Khu đô thị và trung tâm dịch vụ Phương Tiến (khu vực thôn Nà Miêu và Cường Thịnh), là trung tâm phát triển đa chức năng về dịch vụ, thương mại, trụ sở, cơ quan, văn phòng, du lịch sinh thái và dân cư mới. Các khu vực dân cư hiện trạng cải tạo chỉnh trang, xây mới kết hợp du lịch cộng đồng. Nâng cấp và phát triển công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật tiến tới đồng bộ, hiện đại, các khu cây xanh, sân chơi, TDTT và cảnh quan. Tận dụng các hành lang tự nhiên trong khu vực để thoát nước, kết hợp với cảnh quan. Dọc sông Lô phát triển công viên ven sông, nông nghiệp xanh và dịch vụ du lịch dọc sông. Khu vực đồi cao được khoanh vùng bảo vệ, kết hợp giữa trồng rừng và cảnh quan. Giữ lại tối đa vốn rừng hiện có.

7.2. Bố cục không gian quy hoạch, kiến trúc và thiết kế cảnh quan:

a. Tổ chức không gian quy hoạch:

Tổ chức không gian quy hoạch toàn khu vực theo địa hình kết hợp hình thái không gian theo tuyến, các chức năng trong khu vực được tổ chức thành từng tuyến kết hợp các cụm. Tận dụng các khu vực có địa hình bằng phẳng để bố trí các chức năng chính của khu trung tâm theo dạng tập trung. Những khu vực nhiều đồi núi hạn chế phát triển chủ yếu phát triển theo tuyến tạo các nhánh len lỏi theo địa

hình để tránh san gạt quá lớn làm ảnh hưởng đến diện mạo địa hình. Duy trì các khe tụ thủy, tận dụng các hành lang thoát nước tự nhiên để tiêu thoát nước cho khu vực một cách thuận tiện nhất.

Không gian các khu chức năng được bố trí dựa trên khung cấu trúc địa hình, cảnh quan tự nhiên và khung giao thông chính.

b. Tổ chức không gian kiến trúc:

Không gian kiến trúc được tổ chức trên cơ sở tổng thể không gian quy hoạch và yêu cầu của từng loại chức năng công trình để tạo được hình khối đường nét kiến trúc cho phù hợp với chức năng và sự hài hoà hoàn thiện chung của không gian kiến trúc toàn khu vực.

c. Bố cục không gian các khu vực trọng tâm và điểm nhấn:

Trên cơ sở không gian quy hoạch toàn khu trung tâm xác định các khu vực trọng tâm bao gồm 03 khu vực.

- + Khu vực 1: Khu cửa ngõ vào khu trung tâm.
- + Khu vực 2: Khu vực trung tâm đa năng.
- + Khu vực 3: Khu vực trung tâm xã Phương Tiến.

Đây là các cụm công trình công cộng, thương mại, dịch vụ, y tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, trụ sở, cơ quan, các công trình dịch vụ du lịch là tổ hợp công trình có tính kinh tế và xã hội. Công trình được thiết kế theo phong cách kiến trúc địa phương kết hợp hiện đại trong phối kết tổ hợp hình khối, đường nét để tạo nên tổng thể không gian công trình kiến trúc mang bản sắc của cộng đồng dân cư vùng miền núi phía Bắc.

Các công trình điểm nhấn được xác định bao gồm các vị trí:

- Cụm cửa ngõ vào khu trung tâm phía Bắc, Nam, Đông.
- Cụm công trình dịch vụ, thương mại, du lịch trong khu trung tâm đa năng.
- Cụm công trình trong trung tâm xã Phương Tiến, công trình trung tâm văn hóa.

d. Kiến trúc cảnh quan cây xanh công viên, vườn hoa và kiến trúc nhỏ:

Kiến trúc cảnh quan cây xanh công viên, vườn hoa là một tổ hợp của nhiều thành phần như: công trình, kiến trúc nhỏ, vườn hoa, đường dạo, cây xanh, thảm cỏ..., kết hợp hài hoà thành một tổng thể chung tạo ra môi trường sinh thái phục vụ cho hoạt động văn hoá vui chơi giải trí của cộng đồng.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang và đường tránh QL2 mặt cắt 1-1, quy mô mặt cắt rộng 134,5m bao gồm phần đường rộng 75,5m và dải cách ly 59m.

+ QL 2 mặt cắt 2-2 có bề rộng nền đường: $B_n = 10,5m + (5m \times 2) = 25m$.
đảm bảo hành lang bảo vệ đường bộ mỗi bên 20m tính từ chỉ giới đường đỏ (theo Quy hoạch chung).

- Đường chính khu vực: Mặt cắt 2-2 có bề rộng nền đường: $B_n = 10,5m + (5m \times 2) = 25m$.

- Đường khu vực: Mặt cắt 3-3 có bề rộng nền đường: $B_n = 10,5m + (5m \times 2) = 20,5m$.

- Đường phân khu vực:

+ Mặt cắt 4-4 có bề rộng nền đường: $B_n = 7,5m + (4m \times 2) = 15,5m$.

+ Mặt cắt 5-5 có bề rộng nền đường: $B_n = 7,5m + (3m \times 2) = 13,5m$.

- Công trình phục vụ giao thông:

+ Bãi đỗ xe: Bố trí các bãi đỗ xe tập trung với quy mô từ 0,1-0,4ha, đặt tại trung tâm các khu chức năng với tổng diện tích 2,46 ha.

+ Cầu vượt sông Lô: Dự kiến xây mới 1 cầu và cải tạo 1 cầu vượt sông Lô. Quy mô theo cấp hạng đường, tối thiểu 2 làn xe.

+ Các nút, quảng trường giao thông quan trọng: Thiết kế các nút giao thông điểm nhấn, đây sẽ là các quảng trường giao thông có không gian đẹp và lưu thông thuận tiện.

+ Tuyến xe điện: Tại khu vực dọc sông Lô và các điểm dịch vụ du lịch cần xây dựng tuyến đường xe điện đến các điểm tham quan, lưu trú từ các khu vực bãi xe tập trung, lộ trình cần thuận tiện an toàn (kết hợp mạng lưới giao thông quy hoạch).

- Giao thông thủy và bến thuyền du lịch: Xây dựng 02 bến thuyền phục vụ du lịch trên sông Lô phục vụ du lịch và đi lại bằng đường thủy cho người dân và khách du lịch.

- Tỷ lệ đất giao thông: 18,76% (trên diện tích đất quy hoạch).

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

* San nền:

Theo Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy khu vực phía Tây sông Lô dọc theo QL2 cao độ nền xây dựng các khu mới $> +105m$.

- Khu vực đã xây dựng tập trung: Khi xây dựng xen cấy các công trình mới phải phù hợp với cao độ tương ứng xung quanh.

- Các khu xây dựng mới nền xây dựng được thiết kế theo khu vực. Cụ thể:

+ Các khu vực ven sông Lô cần thiết kế cao độ tối thiểu là $> +105m$, hạn chế đào nền.

+ Các khu vực có độ dốc $6\% < i < 10\%$ san gạt theo địa hình tự nhiên, không san lún mà chỉ tạo mặt bằng công trình và mặt bằng đường để đảm bảo độ dốc tối đa. Chỉ tạo mặt bằng lớn khi thật cần thiết.

+ Các khu vực có độ dốc $10\% < i < 20\%$ xây dựng theo thềm địa hình, không san lón mà chỉ tạo mặt bằng công trình. Giữa các thềm bậc phải gia cố ta luy hoặc xây dựng tường chắn.

+ Hạn chế xây dựng công trình tại các vị trí có địa chất không ổn định dễ sạt lở (khi bắt buộc xây dựng cần có giải pháp kỹ thuật phù hợp).

Do địa hình đồi núi dốc, quỹ đất phát triển hạn chế chủ yếu là san gạt địa hình tạo mặt bằng xây dựng vì vậy san nền theo giải pháp thềm bậc, kết hợp với tường chắn và taluy, giữa các thềm bậc thì phải xây dựng hệ thống mương hồ tiêu năng để thoát nước mưa. Có thể san nền theo quy mô công trình và theo lớp nhà nhằm giảm khối lượng đào đắp.

* Thoát nước mưa:

- Phân chia lưu vực: Toàn bộ khu vực nghiên cứu gồm 02 lưu vực chính (phía Bắc suối Sừu và phía Nam suối Sừu) chia nhiều các khu vực thoát nước nhỏ vào các khu tụ thủy là các khu vực canh tác của người dân.

- Hệ thống: Chọn hệ thống thoát nước riêng.

- Hướng thoát: Hướng thoát chính là ra các khe tụ thủy tự nhiên và ra sông Lô.

c) Cấp nước:

* Tổng nhu cầu dùng nước: 1.250 m³/ngày-đêm.

* Nguồn nước:

Theo Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế của khẩu Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang đến năm 2030, nước cấp cho khu trung tâm Phương Tiến sẽ được lấy từ Trạm cấp nước Phương Tiến có công suất dự kiến là 3.000 m³/ng.đ lấy nguồn nước từ suối Sừu. Nước được xử lý tại Trạm Xử lý nước phải đảm bảo yêu cầu vệ sinh theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT của Bộ Y tế trước khi dẫn nước vào hệ thống phân phối nước tới các hộ tiêu thụ trên địa bàn.

* Hệ thống cấp nước:

- Mạng lưới cấp nước phân phối được thiết kế theo mạng vòng kết hợp mạng nhánh nhằm đảm bảo khả năng cấp nước. Áp lực nước hoàn toàn tự chảy. Khu vực thấp cần bố trí hệ thống bơm áp lực lên vị trí bề mặt đặt cao hoặc cấp nước đến điểm lấy nước tập trung.

- Đường ống dẫn nước có đường kính từ $\varnothing 100 \div \varnothing 200$.

- Các hống cứu hỏa được bố trí trên các đường ống cấp nước $\geq \varnothing 100\text{mm}$, tại các khu vực thuận tiện.

d) Cấp năng lượng và chiếu sáng:

- Nhu cầu sử dụng điện: Tổng nhu cầu dùng điện là 3.942 kW.

- Nguồn điện: Nguồn cấp điện trực tiếp cho các phụ tải điện của khu vực do trạm 110kV Hà Giang 25+40mVA-110/35/22kV đặt tại thành phố Hà Giang.

Trong tương lai sẽ được cấp tại trạm 110kV Thanh Thủy quy mô 1x25mVA, điện áp 110/35/22kV được xây dựng.

- Lưới điện: Lưới 110kv hiện có đi từ trạm 220kV Hà giang, đoạn qua khu vực nghiên cứu cần đảm bảo hành lang an toàn lưới điện. Lưới trung thế 35kV, 22kV hiện có đi từ trạm 110kV Hà Giang, được cải tạo chỉnh trang đảm bảo cảnh quan và an toàn lưới điện, từng bước đưa về điện áp 22kV đảm bảo thống nhất cấp điện áp. Dự kiến xây mới 2 tuyến 22kV từ trạm 110kV Thanh Thủy tới cung cấp điện cho khu trung tâm. Lưới hạ áp 0,4KV, trước mắt cải tạo lưới điện hạ thế hiện hữu đảm bảo cảnh quan và an toàn lưới điện, tương lai đi ngầm. Xây dựng lưới hạ thế mới cho khu vực phát triển mới.

- Các trạm biến áp dùng trạm xây, trạm 1 cột hoặc trạm kios trọn bộ.

- Chiếu sáng: Thiết kế hệ thống chiếu sáng đảm bảo độ rọi cũng như mỹ quan, tạo điểm nhấn cho khu trung tâm.

e) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Thoát nước thải:

- + Tổng lưu lượng nước thải: 810 m³/ngày-đêm.

- + Hệ thống: Dùng hệ thống thoát nước riêng.

- + Lưu vực: Khu vực nghiên cứu được chia làm 02 lưu vực thoát nước chính. Lưu vực 1 phía Bắc suối Sừ. Lưu vực 2 phía Nam suối Sừ.

- + Cống thoát nước: Sử dụng cống tròn bằng BTCT đặt trên hè đường, đường kính D300mm.

- + Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải tập trung với tổng công suất 900 m³/ngđ (theo quy hoạch chung). Nước thải sau khi xử lý đạt loại A của QCVN 14-MT: 2015/BTNMT mới được xả ra hệ thống thoát nước.

- Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- + Chất thải rắn: Tổng nhu cầu chất thải rắn là 9,5tấn/ngđ. Toàn bộ CTR sẽ được thu gom về khu xử lý CTR tập trung của khu Kinh tế (theo quy hoạch chung) tại xã Phong Quang, diện tích 24 ha.

- + Nghĩa trang: Tương lai sử dụng nghĩa trang tập trung tại xã Phong Quang, diện tích khoảng 10 ha (theo quy hoạch chung).

f) Thông tin liên lạc:

- Tổng nhu cầu: 7.700 thuê bao.

- Nguồn cấp: Cấp bởi các doanh nghiệp dịch vụ viễn thông trên địa bàn.

- Giải pháp thiết kế: Sử dụng hệ thống cáp quang cho toàn khu vực.

- Hệ thống thông tin liên lạc: Từ tủ cáp các tuyến cáp thuê bao kéo đến các hộp cáp của từng nhóm nhà ở và từng công trình công cộng, dịch vụ và du lịch dẫn đến các hộ thuê bao. Tất cả các tuyến cáp đi ngầm dưới vỉa hè trong bể cáp theo tiêu chuẩn ngành và được luồn trong các ống PVC chuyên dùng. Tại các vị trí cắt ngang đường, ngoài ống PVC bảo vệ chuyên dùng, các tuyến cáp được tăng cường bằng các ống thép hoặc đặt trong các tuyến tuynel kỹ thuật.

- Bố trí 1 điểm phục vụ bưu chính trên địa bàn.

9. Các giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường:

Để đảm bảo tốt công tác quản lý môi trường trong khu trung tâm, đề xuất các giải pháp quản lý và kiểm soát môi trường như sau:

- Đảm bảo các hoạt động chức năng trong khu trung tâm phải phù hợp với các tiêu chuẩn và pháp luật về môi trường của Việt Nam.
- Phát triển chính sách môi trường trong các khu chức năng.
- Xây dựng các hướng dẫn, tiêu chuẩn và quy trình nội bộ trong khu.
- Phối hợp và quan hệ với nhân dân địa phương về các vấn đề môi trường.
- Thiết lập kế hoạch quan trắc và quản lý môi trường cho các giai đoạn cụ thể nhằm phát hiện kịp thời các sự cố môi trường, từ đó có các giải pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động đến môi trường tự nhiên.

10. Hồ sơ quy hoạch:

Hồ sơ do Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, Bộ Xây dựng lập (kèm theo) đã được Sở Xây dựng tỉnh Hà Giang (nay là Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang) thẩm định, trình duyệt theo đúng Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng.

Hồ sơ quy hoạch gồm 07 bộ, được lưu trữ tại UBND tỉnh Tuyên Quang, Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân xã Thanh Thủy và các cơ quan chức năng liên quan để quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 2. Giao Phòng Quản lý đầu tư, xây dựng và môi trường và các đơn vị có liên quan:

1. Quản lý bàn giao hồ sơ cho các cơ quan chức năng liên quan;
2. Tổ chức công bố, công khai đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm Phương Tiến, khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy để các tổ chức và nhân dân biết, tham gia kiểm tra và thực hiện quy hoạch;
3. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng đề xuất các giải pháp quản lý, triển khai thực hiện quy hoạch;
4. Xây dựng quy định về quản lý xây dựng theo quy hoạch phân khu xây dựng được phê duyệt làm cơ sở quản lý đất đai, cấp phép xây dựng và thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

(Ghi chú: Tên các địa danh sử dụng trong đồ án được giữ nguyên theo tên gọi của đơn vị hành chính trước thời điểm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, sáp nhập tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 16/6/2025 và Nghị quyết số 1684/NQ/UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Tuyên Quang năm 2025 để phù hợp với nội dung đồ án đã được thẩm định)

Chánh Văn phòng; Trưởng các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc Ban;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thanh Thủy và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Xây dựng;
- Lãnh đạo Ban;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, ĐTXDMT, HS.

**KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Vũ Văn Tiến